

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 8 năm 2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy;

2. Bà Phạm Thị Hương.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXX-ST ngày 26/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ch, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Đinh Duy C, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị Ch có mặt, anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Lê Thị Ch có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Duy C có tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã A và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2020 đến nay mỗi người sống một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Đinh Thị Trúc A, sinh ngày 13/8/2017 và Đinh Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/6/2020. Ly hôn Chị Ch xin nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay Chị Ch

đang làm giáo viên dạy lớp 3 tuổi trường mầm non xã A, thu nhập 3.300.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đinh Duy C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản xác minh với ông Đinh Duy M (là bố đẻ anh C); địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị Lê Thị Ch và anh Đinh Duy C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 16/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình ông Mạnh. Quá trình chung sống vợ chồng Chị Ch, anh C có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Chị Ch và anh C đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay mỗi người sống một nơi. Nay Chị Ch có đơn xin ly hôn thì ông M đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh, chị. Về con chung: Chị Ch và anh C có 02 con chung cháu Đinh Thị Trúc A, sinh ngày 13/8/2017 và Đinh Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/6/2020, hiện 02 con chung đang ở cùng Chị Ch, ly hôn ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung: Ông không có ý kiến gì.

Hiện nay anh C làm nghề lao động tự do không cố định địa chỉ, anh C thường xuyên về nhà và liên lạc với gia đình ông. Gia đình ông đã nhận được các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án giao cho anh C và thông báo cho anh C biết. Quan điểm của anh C về việc Chị Ch xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh C đề nghị giao con chung cho Chị Ch nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh với cơ sở Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị Lê Thị Ch và anh Đinh Duy C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 16/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã A và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng Chị Ch, anh C có mâu thuẫn. Hiện nay Chị Ch và anh C đã sống ly thân từ tháng 10/2020. Nay Chị Ch có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị Ch và anh C có 02 con chung là Đinh Thị Trúc A, sinh ngày 13/8/2017 và Đinh Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/6/2020 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Lê Thị Ch và anh Đinh Duy C là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị Ch, anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 16/3/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay không hồi han, chia sẻ với nhau, Chị Ch đang sinh sống tại thôn Năm Thành, xã A trong khi đó anh C sinh sống tại Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị Ch đề nghị ly hôn nhưng anh C không đến Tòa án làm việc trình bày ý kiến và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Ch, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Ch, xử cho chị được ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Ch và anh Đinh Duy C có 02 con chung Đinh Thị Trúc A, sinh ngày 13/8/2017 và Đinh Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/6/2020, hiện 02 con chung đang ở cùng Chị Ch. Ly hôn Chị Ch xin nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Chị Ch là chính đáng, Chị Ch có công việc, thu nhập ổn định. Kể từ khi vợ chồng ly thân, Chị Ch nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Lê Thị Ch trực tiếp nuôi 02 con Đinh Thị Trúc A, sinh ngày 13/8/2017 và Đinh Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/6/2020; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Ch, anh Đinh Duy C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Ch phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Ch được ly hôn anh Đinh Duy C.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lê Thị Ch trực tiếp nuôi con Đinh Thị Trúc A, sinh ngày 13/8/2017 và Đinh Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/6/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh C không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ch phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Chị Ch đã nộp theo Biên lai thu số 0004692 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đinh Duy C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh

